

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST

Ngày 25-4-2025

V/v “Ly hôn, con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Biên

2. Bà Hoàng Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Bà Cao Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 381/2024/TLST-HNGĐ ngày 27/11/2024 về việc “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2025, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1990 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số D, đường Đ, phường L (nay là phường T), thành phố B, tỉnh Bắc Giang

-Bị đơn: Anh Lương Ngọc Đ, sinh năm 1985 (Xin vắng mặt)

HKTT: Số B, ngõ C, Tổ dân phố số G, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

Hiện đang chấp hành án tại Đội 17, phân trại số A, Trại giam T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2024 và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Vân A trình bày:*

- *Về quan hệ vợ chồng*: Chị và anh Lương Ngọc Đ chung sống với nhau như vợ chồng rồi mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố B ngày 11/7/2008. Vợ chồng chị đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc gì. Sau khi đăng ký kết hôn thì có được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Cưới xong, chị về làm dâu gia đình nhà anh Đ ngay. Cuộc sống vợ chồng chị hạnh phúc thời gian đầu sau khi kết hôn, sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Đ sa ngã vào các tệ nạn xã hội nên vợ chồng thường xuyên đánh cãi nhau. Bản thân anh Đ nhiều lần phải đi chấp hành án. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014, không ai còn quan tâm tới ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Anh Đ hiện nay đang chấp hành án tại đội 17, phân trại 1, trại giam T, Thanh Hóa.

- *Về con chung*: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Lương Ngọc Phi Y, sinh ngày 19/01/2008. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cháu Y. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, về nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại biên bản ghi lời khai có trong hồ sơ, bị đơn anh Lương Ngọc Đ trình bày*:

- *Về quan hệ vợ chồng*: A và chị Nguyễn Thị Vân A kết hôn với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố B và được tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, sau đấy thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Bản thân anh vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án phạt tù. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, không ai còn quan tâm tới ai. Nay chị Vân A xin ly hôn anh đồng ý.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lương Ngọc Phi Y, sinh ngày 19/01/2008. Hiện nay cháu Y đang ở cùng chị Vân A. Do anh đang phải chấp hành án phạt tù nên anh đồng ý để chị Vân Anh N cháu Y. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Vân A được ly hôn anh Lương Ngọc Đ.
- Về con chung: Giao cháu Lương Ngọc Phi Y, sinh ngày 19/01/2008 cho chị Nguyễn Thị Vân A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét.
- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không đặt ra xem xét giải quyết.
- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Vân A phải chịu án phí ly hôn theo quy định nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Nguyễn Thị Vân A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, con chung với anh Lương Ngọc Đ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, cụ thể là “*Ly hôn, con chung*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết*: Tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, con chung*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lương Ngọc Đ hiện đang chấp hành án tại trại giam T, Thanh Hóa tuy nhiên anh có hộ khẩu thường trú tại phường N, thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Vân A, anh Đ theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Vân A và anh Lương Ngọc Đ kết hôn ngày 11/7/2008 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Chị Vân A đã cung cấp được bản gốc giấy đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị Vân A và anh Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Vân A và anh Đ đều xác định vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, không ai còn quan tâm tới ai. Chị Vân A xin ly hôn, anh Đ đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, hiện nay anh Đ đang chấp hành án tại trại giam T, Thanh Hóa nên không có mặt tại Tòa án để giải quyết việc ly hôn. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vân A.

[2.2] Về con chung: Chị Vân A và anh Đ xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Lương Ngọc Phi Y, sinh ngày 19/01/2008. Ly hôn, chị Vân A có nguyện vọng được nuôi cháu Y, anh Đ đồng ý với nguyện vọng của chị Vân A. Do vậy, cần giao cháu Y cho chị Vân A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị Vân A và anh Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Vân A, anh Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để buộc chị Vân A phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cần tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Vân A được ly hôn anh Lương Ngọc Đ.

2.2. Về con chung: Giao cháu Lương Ngọc Phi Y, sinh ngày 19/01/2008 cho chị Nguyễn Thị Vân A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Vân A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0002173 ngày 27/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Vân A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

2.4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

2.5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Bắc Giang,
- CCTHADS TP. Bắc Giang,

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự,
- UBND phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang;
- Lưu HS, VP.

Lương Thị Thanh Quyên